

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

##### 1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Gói thầu: “Mua sắm xe ô tô thực hiện nhiệm vụ Nhà máy”.
- Dự toán: Mua sắm xe ô tô thực hiện nhiệm vụ Nhà máy.
- Chủ đầu tư: Nhà máy A41/Quân chủng Phòng Không - Không Quân.
- Nguồn vốn: Quỹ phúc lợi của Nhà máy.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Số 6 Thăng Long, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 01/2026
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày.

##### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

###### a. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa yêu cầu mới 100%, được sản xuất năm 2026.

###### b) Yêu cầu kỹ thuật chi tiết chương V của E-HSMT và có đủ phụ kiện kèm theo.

- Nhà thầu phải Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) đối với xe nhập khẩu.
- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng vị trí yêu cầu tại các đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Mọi chi phí liên quan đến vận chuyển do nhà thầu chịu.

###### b. Yêu cầu chi tiết thông số kỹ thuật:

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

##### - Xe 29 Chỗ

NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	7.620 x 2.090 x 2.840
Khoảng sáng gầm (mm)	155
Chiều dài cơ sở (mm)	4.085
<b>Tải trọng</b>	
Số chỗ ngồi (người)	29
Tải trọng bản thân (Kg)	4.700
Tải trọng toàn bộ (Kg)	6.900
<b>Đặc tính vận hành</b>	
Vận tốc tối đa (km/h)	105,72

Khả năng vượt dốc ( $\tan\theta$ )	0.38
Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	7.5
<b>Động cơ</b>	
Mã động cơ	D4GA
Loại động cơ	Động cơ Diesel 4 kỳ, 4 xy lanh, Turbo tăng áp
Dung tích công tác (cc)	3933
Công suất cực đại (Ps)	140
Momen xoắn cực đại (Kgm)	392 / 1400
Công thức bánh xe	4x2. Dẫn động cầu sau
Đường kính và hành trình Piston	103x118mm
Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
Dung tích thùng nhiên liệu (L)	95
Hộp số	M035S5 số sàn, 5 số tiến, 1 số lùi
<b>Hệ thống treo</b>	
Trước	Kiểu McPherson
Sau	Lá nhíp
<b>Vành và lốp xe</b>	
Kiểu lốp xe	Trước lốp đơn/ Sau lốp đơn
Cỡ lốp xe (trước/sau)	7.00R16/7.00R.16
<b>Hệ thống phanh</b>	
Phanh đĩa bốn bánh	

### - Xe 16 Chỗ

<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b>
Kích thước tổng thể (DxRxC)	mm	6.195 x 2.038 x 2.760
Độ dài cơ sở	mm	3.670
Vệt bánh trước/sau	mm	1.712/1.718
Khoảng sáng gầm xe	mm	180
Khối lượng bản thân	Kg	2.735
Khối lượng toàn bộ	Kg	4.000
<b>Đặc tính vận hành</b>		
Tốc độ tối đa (km/h)	Km/h	147
Khả năng leo dốc tối đa	$\tan \phi$	0.584
Bán kính vòng quay tối thiểu	m	6,3
<b>Động Cơ - Hộp số</b>		
Công thức bánh xe		4 x 2, RWD/ Dẫn động cầu sau
Động cơ		D4CB, Tăng áp khí nạp (Turbo)
Dung tích xy-lanh	cc	2.497
Đường kính & Hành trình piston	mm	91 x 96
Tỉ số nén		15,8:1

Công suất cực đại	Ps/rpm	170 / 3.600
Mô men xoắn cực đại	Nm/rp m	422 / 1.500-2.500
Hộp số		6 cấp, số sàn
<b>Hệ thống phanh - treo</b>		
Hệ thống phanh chính	Phanh đĩa thủy lực mạch kép có trợ lực chân không. Hỗ trợ ABS	
Hệ thống treo trước	Kiểu McPherson	
Hệ thống treo sau	Lá nhíp	
Dung tích bình nhiên liệu	75	
Lốp trước/sau	235/65 R16C - 8PR	
<b>Ngoại thất</b>		
Đèn trước	Dạng Projector kết hợp đèn chiếu sáng ban ngày dạng LED / Projector headlamp and LED DRL	
Đèn sương mù phía trước	Có	
Cản trước tích hợp bậc đỡ chân	Có	
Gương chiếu hậu ngoài có sấy tích hợp đèn báo rẽ dạng LED	Có	
Bậc hành khách lên xuống chỉnh điện	Có	
Vành đúc	16"	
<b>An toàn</b>		
Túi khí đôi phía trước	Có	
Phanh đĩa 4 bánh + ABS	Có	
Đèn cảnh báo má phanh mòn	Có	
<b>Nội thất - Tiện nghi</b>		
Radio/USB/AUX	Có	
Trang bị màn hình	Theo yêu cầu	
Cụm nút điều khiển cửa xe + gương hậu	Có	
Cửa gió điều hòa khoang hành khách	Có	
Khay chứa đồ ở cửa xe	Có	
Hộc đồ phía trên với cổng cắm điện 12V	Có	
Chắn nắng kính lái	Có	
Hộc đựng đồ dưới ghế bên phụ	Có	
Ghế lái chỉnh 8 hướng	Có	
Khóa cửa từ xa	Có	
Số chỗ ngồi	15 + 1	
Bố trí cửa	Phía trước và cửa trượt hông xe	

**\*Lưu ý: Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của từng loại hàng hóa dự thầu, đảm bảo thông số kỹ thuật do nhà thầu chào phải tương đương hoặc ưu việt hơn thông số kỹ thuật theo hồ sơ mời thầu.**

### 1.2.1. Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa

- Hàng hóa mới 100%; nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

- Hàng hóa chào thầu kèm theo phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng (ghi rõ nhãn mác, hãng sản xuất, xuất xứ hàng hóa không vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế) và phải đáp ứng (hoặc tốt hơn) các yêu cầu kỹ thuật E-HSMT.

### **1.2.2. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành**

- Nhà thầu cung cấp quy trình bảo hành, bảo trì chi tiết của hàng hóa.

- Chế độ bảo hành theo quy định của nhà sản xuất và tối thiểu là 36 tháng hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước kể từ khi nghiệm thu bàn giao sản phẩm.

### **1.2.3. Tác động đối với môi trường**

- Nhà thầu phải có cam kết toàn bộ hàng hóa chào thầu đều không ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường theo quy định; Trong trường hợp có sự cố về môi trường do hàng hóa của nhà thầu chào xảy ra thì Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật liên quan.

### **1.2.4. Biện pháp tổ chức**

Biện pháp kỹ thuật do nhà thầu lập, phù hợp với gói thầu đang xét, bao gồm tối thiểu các nội dung chính sau đây:

- Thuyết minh phương án vận chuyển đến địa điểm của bên mua, đề xuất phương tiện vận chuyển hàng hóa.

- Thuyết minh phương án bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho.

- Biện pháp đảm bảo về chất lượng của hàng hóa:

- Biện pháp tổ chức, kiểm tra, nghiệm thu bàn giao hàng hóa;

### **1.2.5. Tiến độ thực hiện hợp đồng**

- Tiến độ cung cấp hàng hóa được theo ngày; bao gồm các nội dung cơ bản từ khâu ký hợp đồng đến bàn giao sản phẩm hàng hóa, nghiệm thu, thanh toán.

- Tiến độ cung cấp phải phù hợp với tiến độ yêu cầu của gói thầu.

### **1.3. Yêu cầu khác:**

- Có cam kết cung cấp Chứng nhận chất lượng (CQ), Chứng nhận xuất xứ (CO) khi giao hàng.

- Yêu cầu bàn giao hàng hóa, bảo hành bảo trì và sửa chữa tại nơi sử dụng của đơn vị.

- Nhà thầu cung cấp quy trình bảo hành, bảo trì chi tiết của hàng hóa (đối với phần thiết bị).

+ Trong thời hạn bảo hành, kể từ khi nhận được thông báo của Đơn vị tiếp nhận và sử dụng tài sản hoặc Chủ đầu tư (thông báo bằng điện thoại, email, văn bản), trong vòng 24 giờ (giờ hành chính) Nhà thầu phải cử nhân viên kỹ thuật đến sửa chữa hoặc cung cấp phụ kiện thay thế đảm bảo sản phẩm hoạt động lại trong tối đa không quá 05 ngày làm việc.

+ Có hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành.

+ Thực hiện bảo hành hàng hóa thiết bị, hỗ trợ kỹ thuật tại địa điểm theo yêu cầu Chủ Đầu tư.

**Mục 2. Bản vẽ: Không có;**

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Kiểm tra tính năng thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

